

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2018

“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Duyên

2. Ông Ngô Khắc Tâm

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Diễm Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm: 1997

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông Trần Văn H, sinh năm: 1997

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 26 tháng 12 năm 2017, nguyên đơn Trần Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Trần Văn H chung sống với nhau từ năm 2015, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống 01 năm đầu có hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không lo làm ăn, không lo lắng cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Bà và ông H đã ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Nay bà xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: bà và ông H không có con chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 24 tháng 4 năm 2018, bị đơn Trần Văn H trình bày: ông và bà D chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã về vấn đề tài chính trong gia đình. Vào tháng 6 năm 2017, bà D bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà D sinh sống. Ông và bà D cũng đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: ông và bà D không có con chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày như đã nêu trên. Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý vụ án của Tòa án đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS. Việc xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định của BLTTDS.

** Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo các nguyên tắc xét xử.

- Tại phiên tòa, về thành phần Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

- Thủ tục bắt đầu phiên tòa đảm bảo theo quy định. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo công khai dân chủ và được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Nội dung và phương thức tranh tụng đảm bảo quy định tại Điều 247 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Trần Thị Ngọc D và ông Trần Văn H là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Trần Thị Ngọc D với bị đơn Trần Văn H là tranh chấp hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Trần Văn H vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà D và ông H chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Bà D cho rằng ông H không chí thú làm ăn, không lo lắng cho gia đình. Còn ông H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau về vấn đề tài chính trong gia đình. Bà D và ông H đã sống ly thân gần 01 năm nay. Trong thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho ai. Xét thấy, bà D và ông H chung sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Ngọc D và ông Trần Văn H.

Về con chung: bà D và ông H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà D và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Ngọc D và ông Trần Văn H.

Về con chung: bà D và ông H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà D và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0003841 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang án phí, bà D không phải nộp thêm. Ông Trần Văn H không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi